

Số: 227 /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 11 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch giao rừng năm 2025 huyện Tư Nghĩa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Tư Nghĩa tại Tờ trình số 35/TTr-UBND ngày 17/02/2025; đề xuất của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 227/TTr-SNNMT ngày 12/3/2025, Công văn số 1217/SNNMT-KL ngày 09/4/2025 và ý kiến thống nhất của Thành viên UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch giao rừng năm 2025 huyện Tư Nghĩa, với các chỉ tiêu sau:

1. Hiện trạng giao rừng huyện Tư Nghĩa.

Tổng diện tích rừng tự nhiên hiện có trên địa bàn huyện là 2.303,43 ha; trong đó:

- Diện tích rừng đã giao: 1.967,31 ha.

- Diện tích rừng chưa giao, chưa cho thuê: 336,12 ha.

(Chi tiết tại Biểu 1 kèm theo)

2. Kế hoạch giao rừng năm 2025 huyện Tư Nghĩa.

a) Diện tích thực hiện

Tổng diện tích thực hiện giao rừng trong năm 2025 là: 96,98 ha/ 90 hộ

gia đình, cá nhân; trong đó:

- Xã Nghĩa Sơn: 40,50 ha/40 hộ gia đình, cá nhân.
- Xã Nghĩa Thắng: 56,48 ha/50 hộ gia đình, cá nhân.

b) Về chức năng, trạng thái rừng giao:

- Về chức năng (mục đích sử dụng):

+ Rừng đặc dụng: 0,0 ha.

+ Rừng phòng hộ: 0,0 ha.

+ Rừng sản xuất: 96,98 ha.

- Về trạng thái rừng:

+ Rừng nghèo: 44,92 ha.

+ Rừng nghèo kiệt: 50,24 ha.

+ Rừng phục hồi: 1,82 ha.

(Chi tiết Biểu 2 kèm theo)

Điều 2. Căn cứ Điều 1 của Quyết định này, Ủy ban nhân dân huyện Tư Nghĩa có trách nhiệm:

1. Công bố công khai Kế hoạch giao rừng đúng quy định pháp luật.
2. Thực hiện giao rừng cho các hộ gia đình, cá nhân theo đúng kế hoạch đã được duyệt.
3. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch giao rừng.
4. Tuyên truyền, quán triệt cho hộ gia đình, cá nhân được giao rừng hiểu rõ quyền lợi và nghĩa vụ về quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng được giao; đồng thời việc giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân phải đảm bảo các điều kiện kèm theo theo đúng quy định của pháp luật về lâm nghiệp và pháp luật có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Công Thương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tư Nghĩa và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.ph156

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Phước Hiền

**Biểu 1. TỔNG HỢP DIỆN TÍCH RỪNG TỰ NHIÊN ĐÃ GIAO, CHƯA GIAO
HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI**

(Kèm theo Quyết định số **227** /QĐ-UBND ngày **11** / 4 /2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Nội dung	Xã	Diện tích (ha)	Ghi chú
Diện tích rừng tự nhiên đã giao		1.967,31	
	Nghĩa Sơn	1.780,58	
	Nghĩa Thắng	186,73	
Diện tích rừng tự nhiên chưa giao		336,12	
	Nghĩa Sơn	253,87	
	Nghĩa Thắng	75,54	
	Nghĩa Kỳ	6,71	
Tổng		2.303,43	



Biểu 2. KẾ HOẠCH GIAO RỪNG TỰ NHIÊN NĂM 2025
HUYỆN TỰ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Quyết định số 2.371 /QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Tiêu chí	Diện tích giao (ha)	Số hộ gia đình, cá nhân
1. Phân theo xã	96,98	90
Nghĩa Sơn	40,5	40
Nghĩa Thắng	56,48	50
2. Phân theo chức năng rừng	96,98	90
Rừng đặc dụng	0	0
Rừng phòng hộ	0	0
Rừng sản xuất	96,98	90
3. Phân theo trạng thái rừng	96,98	112
Rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh nghèo	44,92	40
Rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh nghèo kiệt	50,24	69
Rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh phục hồi	1,82	3